

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH THEO YÊU CẦU

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
	DỊCH VỤ KHU KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ THEO YÊU CẦU			
I	Khám bệnh dịch vụ theo yêu cầu			
1	Khám bệnh dịch vụ theo yêu cầu	Đồng/Lần	150.000	Nếu bệnh nhân có BHYT thì được tính chênh lệch theo giá Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế dựa vào phân loại công khám
2	Khám bệnh dịch vụ Bác sỹ chuyên gia	Đồng/Lần	250.000	
3	Khám bệnh dịch vụ theo yêu cầu phòng khám 2	Đồng/Lần	75.000	
4	Khám bệnh dịch vụ Bác sỹ chuyên gia phòng khám 2	Đồng/Lần	125.000	
5	Khám bệnh dịch vụ theo yêu cầu phòng khám 3 trở lên	Đồng/Lần	50.000	
6	Khám bệnh dịch vụ Bác sỹ chuyên gia phòng khám 3 trở lên	Đồng/Lần	84.000	
7	Khám bệnh theo yêu cầu ngày thứ 7, chủ nhật (ngoài giờ hành chính)	Đồng/Lần	200.000	
8	Tư vấn khám sức khỏe	Đồng/Lần	150.000	
9	Tư vấn khám sức khỏe phòng khám 2	Đồng/Lần	75.000	
10	Tư vấn khám sức khỏe phòng khám 3 trở lên	Đồng/Lần	50.000	
II	Phòng nằm điều trị khám và chữa bệnh theo yêu cầu			
1	Phòng nằm điều trị theo yêu cầu 01 giường	Đồng/ngày/giường	1.500.000	Nếu bệnh nhân có BHYT thì được tính chênh lệch giá Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế dựa vào phân loại giường
2	Phòng nằm điều trị theo yêu cầu 02 giường	Đồng/ngày/giường	900.000	
3	Phòng nằm điều trị theo yêu cầu 03 giường	Đồng/ngày/giường	600.000	
III	Dịch vụ cận lâm sàng theo yêu cầu người bệnh			
1	Siêu âm trắng đen	Đồng/Lần	100.000	
2	Siêu âm tổng quát màu 2D (vú, tuyến giáp, mô mềm.)	Đồng/Lần	120.000	
3	Siêu âm màu tổng quát	Đồng/Lần	240.000	
4	Siêu âm khớp háng 4D	Đồng/Lần	250.000	
5	Siêu âm màu Mapping động tĩnh mạch chi trên	Đồng/Lần	280.000	
6	Siêu âm thai + doppler	Đồng/Lần	300.000	
7	Siêu âm màu hình thái	Đồng/Lần	400.000	
8	Siêu âm mạch máu màu 4D	Đồng/Lần	500.000	
9	Siêu âm FNA vú, tuyến giáp, hạch, mô mềm, màng phổi, màng bụng, màng tim	Đồng/Lần	800.000	
IV	Dịch vụ phẫu thuật- thủ thuật răng hàm mặt theo yêu cầu			

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
1	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2cm	Đồng/Lần	700.000	
2	Cắt cuống răng	Đồng/Lần	600.000	
3	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2cm	Đồng/Lần	500.000	
4	Chi phí DV Cắt nướu	Đồng/Lần	1.000.000	
5	Chi phí DV Chữa tủy răng cối lớn	Đồng/Lần	1.500.000	
6	Chi phí DV Chữa tủy răng cửa, răng nanh	Đồng/Lần	1.000.000	
7	Chi phí DV Điều chỉnh xương ổ răng	Đồng/Lần	2.000.000	
8	Chi phí DV Làm dài thân răng lâm sàng	Đồng/Lần	1.500.000	
9	Chi phí DV Lấy cao răng	Đồng/Lần	500.000	
10	Chi phí DV Nạo nang quanh chóp sau nhổ răng	Đồng/Lần	500.000	
11	Chi phí DV Nạo túi lợi	Đồng/Lần	1.000.000	
12	Chi phí DV Nhổ răng khó	Đồng/Lần	1.000.000	
13	Chi phí DV Nhổ răng lệch	Đồng/Lần	1.500.000	
14	Chi phí DV Nhổ răng lung lay	Đồng/Lần	300.000	
15	Chi phí DV Nhổ răng ngầm	Đồng/Lần	2.000.000	
16	Chi phí DV Nhổ răng sữa	Đồng/Lần	100.000	
17	Chi phí DV Nhổ răng thường	Đồng/Lần	500.000	
18	Chi phí DV Trám răng thẩm mỹ	Đồng/Lần	500.000	
19	Chi phí PTDV Cắt lợi trùm	Đồng/Lần	1.000.000	
20	Chi phí PTDV Cắt nang nhầy môi	Đồng/Lần	2.000.000	
21	Cắt đường rò luân nhĩ	Đồng/Lần	2.000.000	
22	Chi phí PTDV Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10 cm	Đồng/Lần	2.500.000	
23	Chi phí PTDV Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10 cm	Đồng/Lần	3.000.000	
24	Dự phòng sâu răng bằng Varnish	Đồng/Lần	400.000	
25	Khâu vết thương phần mềm vùng hàm mặt phức tạp < 5cm	Đồng/Lần	800.000	
26	Khâu vết thương phần mềm vùng hàm mặt phức tạp > 5cm	Đồng/Lần	1.000.000	
27	Khâu vết thương phần mềm vùng hàm mặt chỉ tự tiêu	Đồng/Lần	600.000	
28	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	Đồng/Lần	700.000	
29	Phẫu thuật cắt phanh môi	Đồng/Lần	700.000	
30	Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng	Đồng/Lần	700.000	
31	Phẫu thuật vật điều trị túi quanh răng	Đồng/Lần	800.000	
32	Phục hồi cổ răng bằng Composite	Đồng/Lần	300.000	
33	Tẩy trắng răng tùy sở thích có sử dụng đèn Laser	Đồng/Lần	2.000.000	
34	Trám răng sữa	Đồng/Lần	300.000	
35	Trám răng vĩnh viễn GIC, composite	Đồng/Lần	300.000	
36	Chụp xquang cận chóp kỹ thuật số	Đồng/Lần	50.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
37	Chốt kim loại	Đồng/Lần	200.000	
38	Cầu hợp kim thường	Đồng/Lần	1.000.000	
39	Cầu hợp kim titanium cần sứ	Đồng/Lần	2.000.000	
40	Cầu kim loại cần sứ	Đồng/Lần	1.000.000	
41	Cầu kim loại crom-coban cần sứ	Đồng/Lần	2.500.000	
42	Cầu sứ ceron	Đồng/Lần	4.000.000	
43	Cầu sứ toàn phần Emax	Đồng/Lần	6.000.000	
44	Chốt cùi đúc kim loại	Đồng/Lần	500.000	
45	Chốt sợi thủy tinh	Đồng/Lần	500.000	
46	Cùi đúc kim loại	Đồng/Lần	500.000	
47	Cùi đúc kim loại quý	Đồng/Lần	1.500.000	
48	Cùi đúc titanium	Đồng/Lần	1.000.000	
49	Cùi đúc toàn sứ	Đồng/Lần	1.000.000	
50	Đệm hàm nhựa thường	Đồng/Lần	1.000.000	
51	Đính đá răng	Đồng/Lần	500.000	
52	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo	Đồng/Lần	1.500.000	
53	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường	Đồng/Lần	500.000	
54	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo	Đồng/Lần	2.000.000	
55	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường	Đồng/Lần	500.000	
56	Hàm khung kim loại	Đồng/Lần	1.000.000	
57	Hàm khung liên kết	Đồng/Lần	5.000.000	
58	Hàm khung titanium	Đồng/Lần	2.000.000	
59	Inlay, onlay composite	Đồng/Lần	1.000.000	
60	Inlay, onlay toàn sứ	Đồng/Lần	6.000.000	
61	Inlay/ onlay hợp kim titanium	Đồng/Lần	1.500.000	
62	Inlay/ onlay kim loại quý	Đồng/Lần	2.000.000	
63	Inlay/ onlay sứ toàn phần	Đồng/Lần	4.000.000	
64	Inlay/onlay kim loại	Đồng/Lần	1.000.000	
65	Lưới hàm	Đồng/Lần	1.000.000	
66	Mài chỉnh khớp cắn	Đồng/Lần	1.000.000	
67	Máng nhai điều trị khớp thái dương hàm	Đồng/Lần	4.000.000	
68	Răng giả tháo lắp	Đồng/Lần	500.000	
69	Sửa hàm giả gãy	Đồng/Lần	500.000	
70	Tẩy trắng răng (máng tẩy hoặc đèn halogen)	Đồng/Lần	2.000.000	
71	Tháo cầu răng giả	Đồng/Lần	200.000	
72	Tháo chụp răng giả / 1 cùi	Đồng/Lần	200.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
73	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	Đồng/Lần	500.000	
74	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	Đồng/Lần	500.000	
75	Thêm răng, thêm móc cho hàm giả tháo lắp	Đồng/Lần	500.000	
76	Veneer sứ toàn phần	Đồng/Lần	6.000.000	
77	Đính đa răng	Đồng/Lần	500.000	
78	Cắm ghép Implant hạng trung	Đồng/Lần	20.000.000	
79	Ghép xương	Đồng/Lần	10.000.000	
80	Phục hình trên implant	Đồng/Lần	8.000.000	
81	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp	Đồng/Lần	2.000.000	
82	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng MICROIMPLANT	Đồng/Lần	3.000.000	
83	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang khẩu cái (TPA)	Đồng/Lần	4.000.000	
84	Làm lún răng cửa hàm dưới sử dụng khí cụ tháo lắp tấm cắn (BITE PLATE) hoặc mặt phẳng cắn phía trước (ANTERIOR)	Đồng/Lần	4.000.000	
85	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp	Đồng/Lần	4.000.000	
86	Sử dụng cung lưỡi làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng	Đồng/Lần	4.000.000	
87	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi	Đồng/Lần	4.000.000	
88	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi	Đồng/Lần	4.000.000	
89	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay	Đồng/Lần	4.000.000	
90	Sử dụng khí cụ cố định NANCE làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng	Đồng/Lần	4.000.000	
91	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định L.A	Đồng/Lần	6.000.000	
92	Nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp	Đồng/Lần	6.000.000	
93	Nắn chỉnh răng/hàm dùng lực ngoài miệng sử dụng HEADGEAR	Đồng/Lần	8.000.000	
94	Điều trị chỉnh hình răng mặt sử dụng khí cụ FACE MASK và ốc nong nhanh	Đồng/Lần	19.000.000	
95	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định FORSUS	Đồng/Lần	20.000.000	
96	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định	Đồng/Lần	25.000.000	
97	Kỹ thuật lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định	Đồng/Lần	25.000.000	
98	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định	Đồng/Lần	25.000.000	
99	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định	Đồng/Lần	25.000.000	
100	Sử dụng khí cụ cố định loại I	Đồng/Lần	25.000.000	
101	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung tiện ích (UTILITY ARCHWIRE) và cung phụ làm lún răng cửa	Đồng/Lần	28.000.000	
102	Làm trôi răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt	Đồng/Lần	28.000.000	
103	Sử dụng khí cụ cố định loại I phức tạp	Đồng/Lần	28.000.000	
104	Sử dụng khí cụ cố định loại II	Đồng/Lần	32.000.000	
105	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp	Đồng/Lần	2.000.000	
106	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định	Đồng/Lần	3.000.000	
107	Kỹ thuật làm dài thân răng lâm sàng	Đồng/Lần	3.000.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
108	Sử dụng cung ngang vòm khẩu cái (TPA) làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng	Đồng/Lần	4.000.000	
109	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định ốc nong nhanh	Đồng/Lần	11.000.000	
110	Đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp	Đồng/Lần	11.000.000	
111	Nong rộng hàm bằng khí cụ QUAD HELIX	Đồng/Lần	11.500.000	
112	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bè LOOP L hoặc dây cung đảo ngược đường cong SPEE có bè LOOP	Đồng/Lần	25.000.000	
V	Xét nghiệm gửi mẫu			
1	Anti ds DNA (Anti-double stranded DNA) (Elisa)	Đồng/Lần	280.000	
2	Anti HAV IgG	Đồng/Lần	220.000	
3	Anti HAV IgM	Đồng/Lần	220.000	
4	Anti HAV Total	Đồng/Lần	220.000	
5	Anti HBc, Total	Đồng/Lần	220.000	
6	Anti HBc IgM	Đồng/Lần	220.000	
7	Anti HBe	Đồng/Lần	140.000	
8	Anti HBs	Đồng/Lần	140.000	
9	Anti HCV (3rd Gen	Đồng/Lần	180.000	
10	Anti HEV IgG (Elisa)	Đồng/Lần	220.000	
11	Anti HEV IgM (Elisa)	Đồng/Lần	220.000	
12	ANA Test (Anti Nuclear Ab) (Elisa)	Đồng/Lần	160.000	
13	Anti LKM-1 (Liver Kidney Microsomal) (Elisa)	Đồng/Lần	220.000	
14	Testosterone	Đồng/Lần	130.000	
15	Testosterone Free (SHBG+ Testosterone)	Đồng/Lần	280.000	
16	Trichinella Spiralis IgG (Elisa) (Giun xoắn)	Đồng/Lần	130.000	
17	Trichinella Spiralis IgM (Elisa) (Giun xoắn)	Đồng/Lần	120.000	
18	HP Test IgG (Helicobacter pylori)	Đồng/Lần	160.000	
19	HP Test IgM (Helicobacter pylori)	Đồng/Lần	160.000	
20	Amibe /serum (sero Amibe) (Entamoeba histolytica) (Elisa)	Đồng/Lần	130.000	
21	Cysticercosis (Taenia Solium) IgM (Sán dải heo) (Elisa)	Đồng/Lần	120.000	
22	Cysticercosis (Taenia Solium) IgG (Sán dải heo) (Elisa)	Đồng/Lần	130.000	
23	Fasciola Hepatica /blood (Sán lá gan) (Sero Fasciola sp IgG) (Elisa)	Đồng/Lần	130.000	
24	Strongyloides IgG (Giun lươn) (Elisa)	Đồng/Lần	130.000	
25	Gnathostoma IgG (sán đầu gai) (Elisa)	Đồng/Lần	120.000	
26	Panel 4 (Rida Allergy Screen) (Elisa)	Đồng/Lần	850.000	
27	Toxoplasma IgG (Toxoplasma gondii)	Đồng/Lần	220.000	
28	Toxoplasma IgM (Toxoplasma gondii)	Đồng/Lần	220.000	
29	Toxocara canis IgG (Elisa) (Giun đũa chó)	Đồng/Lần	130.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
30	HBV DNA Realtime (Đ.lượng)	Đồng/Lần	380.000	
31	HBV DNA Cobas Taqman(Roche Đ.tính +Đ.Lượng)	Đồng/Lần	1.320.000	
32	HBV DNA (Đ.tính, qualitative)	Đồng/Lần	340.000	
33	HCV Genotype Taqman (Realtime)	Đồng/Lần	800.000	
34	HCV RNACobasTaqman (Roche Đ.tính +Đ.Lượng)	Đồng/Lần	1.420.000	
35	HCV Anti (3rd Gen) (Đ.tính, qualitative)	Đồng/Lần	180.000	
36	HCV Genotype (Sequencing NS5B)	Đồng/Lần	1.120.000	
37	HCV RNA Realtime (Đ.lượng, quantitative)	Đồng/Lần	600.000	
38	HCV-RNA (Đ.tính, qualitative)	Đồng/Lần	550.000	
39	HDV RNA Realtime	Đồng/Lần	600.000	
40	HEV IgG (Elisa)	Đồng/Lần	220.000	
41	HEV IgM (Elisa)	Đồng/Lần	220.000	
42	Paragonimus IgG (Sán lá phổi)	Đồng/Lần	120.000	
43	Paragonimus IgM (Sán lá phổi)	Đồng/Lần	120.000	
44	PSA (Prostate Specific Antigen) Total	Đồng/Lần	210.000	
45	HCC RISK (AFP + AFP-L3 + PIVKAI (DCP)	Đồng/Lần	1.320.000	
46	AFP (Alpha -fetoprotein)	Đồng/Lần	160.000	
47	AMA-M2 (Antimitochondrial Ab)	Đồng/Lần	220.000	
48	Panel 1 Việt (Rida Allergy Screen) (Elisa) Dị nguyên hô hấp & thực phẩm ở VN thường gặp	Đồng/Lần	850.000	
49	SMA IFT	Đồng/Lần	280.000	
50	Điện di Hemoglobin (Hb electrophoresis)	Đồng/Lần	320.000	
VI	Dịch vụ Tiêm chủng theo yêu cầu			
1	Tiêm Vacxin phòng đại (Indirab, Ấn Độ)	Đồng/Lần	257.000	
2	Tiêm Vacxin viêm gan B trẻ em (Heberbiovac Hb 0.5ml, Cu ba)	Đồng/Lần	146.000	
3	Tiêm Vacxin viêm gan B người lớn (Heberbiovac Hb 1ml, Cu ba)	Đồng/Lần	168.000	
4	Tiêm vacxin ngừa Cúm (Vaxigrip Tetra, Pháp)	Đồng/Lần	356.000	
5	Tiêm vacxin ngừa Cúm (GCFlu Quadrivalent, Hàn Quốc)	Đồng/Lần	345.000	
6	Tiêm vacxin ngừa Sởi - Quai bị - Rubella (Measles, Mumps and Rubella Vaccine, Ấn Độ)	Đồng/Lần	205.000	
7	Tiêm vacxin ngừa tiêu chảy do Rotavirus (Rotavin-M1, Việt Nam)	Đồng/Lần	474.000	
8	Tiêm vacxin ngừa Ung thư cổ tử cung và u nhú bộ phận sinh dục, sùi mào gà (Gardasil 9, Mỹ)	Đồng/Lần	2.927.000	
9	Tiêm vacxin ngừa Bạch hầu- Uốn ván (Uốn ván, bạch hầu hấp phụ (Td), Việt Nam)	Đồng/Lần	125.000	
10	Tiêm vacxin ngừa Bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt (Tetraxim, Pháp)	Đồng/Lần	458.000	
11	Tiêm Vacxin phòng đại (Abhayrab, Ấn Độ)	Đồng/Lần	249.000	
12	Tiêm vacxin Viêm não Nhật bản (Jeev 3mcg, Ấn Độ)	Đồng/Lần	356.000	
13	Tiêm vacxin Viêm não Nhật bản (Jevax 1ml, VN)	Đồng/Lần	143.000	
14	Tiêm vacxin Viêm màng não mô cầu BC (VA-Mengoc-BC, Cu Ba)	Đồng/Lần	270.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
15	Tiêm vaccin bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, Hib và viêm gan B (Infanrix Hexa (6in1),Bi)	Đồng/Lần	1.014.000	
16	Tiêm vaccin viêm gan B trẻ em (Engerix B 0.5ml,Bi)	Đồng/Lần	171.000	
17	Tiêm vaccin viêm gan B trẻ em (Gene-Hbvax 0.5ml,VN)	Đồng/Lần	142.000	
18	Tiêm vaccin thủy đậu (Varilrix,Bi)	Đồng/Lần	913.000	
19	Tiêm vaccin thủy đậu (Varicella,Hàn Quốc)	Đồng/Lần	667.000	
20	Tiêm vaccin cúm (Influvac tetra,Hà Lan)	Đồng/Lần	354.000	
21	Tiêm vaccin ngừa tiêu chảy do Rotavirus (Rotarix,Bi)	Đồng/Lần	830.000	
22	Tiêm vaccin ngừa Bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, Hib và viêm gan B (Hexaxim mũi 6in1, Pháp)	Đồng/Lần	1.028.000	
23	Tiêm vaccin ngừa các bệnh do Phế cầu (Synflorix, Bi)	Đồng/Lần	1.024.000	
24	Tiêm vaccin ngừa các bệnh do Phế cầu (Prevenar 13, Bi)	Đồng/Lần	1.280.000	
25	Tiêm vaccin ngừa Viêm Gan B người lớn (Engerix B 1ml, Bi)	Đồng/Lần	220.000	
26	Tiêm vaccin ngừa Viêm Gan B người lớn (Gene - HBvax, VN)	Đồng/Lần	165.000	
27	Tiêm vaccin ngừa Viêm màng não mô cầu ACYW (Menactra, Mỹ)	Đồng/Lần	1.250.000	
28	Tiêm vaccin ngừa Sởi - Quai bị - Rubella (MMR II 3in1)	Đồng/Lần	286.000	
29	Tiêm vaccin ngừa Thủy đậu (Varivax, Mỹ)	Đồng/Lần	894.000	
30	Tiêm vaccin ngừa Cúm (Ivacflu-S 0.5ml, VN)	Đồng/Lần	200.000	
31	Tiêm vaccin ngừa Ung thư cổ tử cung và u nhú bộ phận sinh dục, sùi mào gà (Gardasil 0.5ml, Mỹ)	Đồng/Lần	1.770.000	
32	Tiêm vaccin ngừa Uốn ván - VAT (TT, VN)	Đồng/Lần	108.000	
33	Tiêm vaccin ngừa Viêm não Nhật Bản (Imojev, Thái Lan)	Đồng/Lần	692.000	
34	Tiêm Vaccin phòng dại (Verorab 0.5ml (TB, TTD), Pháp)	Đồng/Lần	323.000	
35	Tiêm vaccin ngừa tiêu chảy do Rotavirus (Rotateq, Mỹ)	Đồng/Lần	665.000	
36	Tiêm vaccin ngừa Viêm Gan A (Havax, VN)	Đồng/Lần	200.000	
VII	Dịch vụ y tế và ngoài y tế khác theo yêu cầu của người bệnh			
1	Chăm sóc VIP sanh đơn thai	Đồng/ gói	1.220.000	
2	Chăm sóc VIP sanh song thai	Đồng/ gói	1.620.000	
3	Chăm sóc VIP mổ đơn thai	Đồng/ gói	1.340.000	
4	Chăm sóc VIP mổ song thai	Đồng/ gói	1.820.000	
5	Tắm và massage bé	Đồng/ gói	70.000	
6	Gội đầu sản phụ	Đồng/Lần	70.000	
7	Dịch vụ xông phục hồi sản chậu	Đồng/Lần	70.000	
8	Masage thông tắc tuyến sữa	Đồng/Lần	100.000	
9	Dịch vụ giặt đồ	Đồng/Lần	50.000	
10	Sanh dịch vụ	Đồng/Lần	3.000.000	
11	Theo dõi nhịp tim thai và con co tử cung bằng monitor sản khoa	Đồng/Lần	55.000	
12	Dịch vụ may thăm mỹ tăng sinh môn	Đồng/Lần	2.500.000	
13	Dịch vụ may thăm mỹ tăng sinh môn ngoài kỳ sinh	Đồng/Lần	3.500.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
13	Số khám bệnh	Đồng/Lần	5.000	
14	Sanh dịch vụ	Đồng/Lần	3.000.000	
15	Theo dõi nhịp tim thai và con co tử cung bằng monitor sản khoa	Đồng/Lần	55.000	
16	Phòng sinh gia đình	Đồng/Lần	2.000.000	
17	Theo dõi tại phòng sinh gia đình	Đồng/Lần	1.000.000	
	DỊCH VỤ KHU CÔNG			
I	Phòng nằm điều trị khám và chữa bệnh			
1	Phòng nằm điều trị theo yêu cầu 01 giường	Đồng/ngày/giường	300.000	Nếu bệnh nhân có BHYT thì được tính chênh lệch giá Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế dựa vào phân loại giường
2	Phòng nằm điều trị theo yêu cầu 01 giường	Đồng/ngày/giường	400.000	
3	Phòng nằm điều trị theo yêu cầu 01 giường	Đồng/ngày/giường	600.000	
4	Giường nằm điều trị trong ngày trên 8 giờ	Đồng/giường	400.000	
5	Giường nằm điều trị trong ngày từ 4-8 giờ	Đồng/giường	200.000	
6	Giường nằm điều trị trong ngày từ 2-4 giờ	Đồng/giường	100.000	
7	Giường nằm điều trị trong ngày dưới 2 giờ	Đồng/giường	50.000	
II	Khám bệnh tại nhà			
1	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà: Gói chăm sóc toàn diện	Đồng/Lần	500.000	
2	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà: Gói chăm sóc cơ bản	Đồng/Lần	200.000	
3	Lấy mẫu xét nghiệm tại nhà	Đồng/Lần	200.000	
III	Dịch vụ truyền dịch, truyền đạm			
1	Truyền dịch, truyền đạm /chai	Đồng/Lần	150.000	Chưa bao gồm chi phí thuốc (chỉ thực hiện đối với người bệnh ngoại trú)
IV	Yêu cầu nhân viên y tế trực tiếp thực hiện phẫu thuật, thủ thuật			
IV.1	Dịch vụ phẫu thuật, thủ thuật chuyên khoa theo yêu cầu		Chưa bao gồm giá phẫu thuật, thủ thuật theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế và Thông tư số 14/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế	
A	KHOA PHỤ SẢN			
1	Chi phí PTDV PT lấy thai lần đầu	Đồng/Lần	3.000.000	
2	Chi phí PTDV PT lấy thai lần 2	Đồng/Lần	3.500.000	
3	Chi phí PTDV PT lấy thai lần 3	Đồng/Lần	4.000.000	
4	Chi phí PTDV PT lấy thai lần 4	Đồng/Lần	4.500.000	
5	Chi phí PTDV PT cắt tử cung đường bụng	Đồng/Lần	3.500.000	
6	Chi phí PTDV PT cắt tử cung ngã âm đạo	Đồng/Lần	4.000.000	
7	Chi phí PTDV PT bóc u xơ tử cung	Đồng/Lần	3.000.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
8	Chi phí PTDV PT Nội soi u nang buồng trứng	Đồng/Lần	3.000.000	
9	Chi phí PTDV PT u nang mô hờ	Đồng/Lần	3.000.000	
10	Chi phí PTDV PT Nội soi thai ngoài tử cung	Đồng/Lần	3.000.000	
11	Chi phí PTDV PT Nội soi buồng trứng	Đồng/Lần	3.500.000	
12	Chi phí PTDV bóc tuyến Bartholin	Đồng/Lần	2.500.000	
13	Chi phí PTDV Rạch áp xe vú	Đồng/Lần	500.000	
14	Chi phí PTDV bóc nang vú lành tính	Đồng/Lần	2.500.000	
15	Chi phí PTDV rạch nang tuyến Bartholin	Đồng/Lần	500.000	
16	Chi phí PTDV cắt polype cổ tử cung	Đồng/Lần	1.000.000	
17	Chi phí PTDV PT Nội soi cắt tử cung	Đồng/Lần	4.000.000	
18	Chi phí DV phá thai nội khoa (Thai lưu) đến 9 tuần)	Đồng/Lần	2.000.000	
B	KHOA NGOẠI TỔNG HỢP			
1	Chi phí PTDV dò hậu môn	Đồng/Lần	3.000.000	
2	Chi phí PTDV đóng hậu môn nhân tạo	Đồng/Lần	3.000.000	
3	Chi phí PTDV khâu da thì 2	Đồng/Lần	3.000.000	
4	Chi phí PTDV mở dạ dày ra da	Đồng/Lần	3.000.000	
5	Chi phí PTDV rò, nang ống rốn trắng, nang niệu rốn	Đồng/Lần	3.000.000	
6	Chi phí PTDV thoát vị bẹn thường	Đồng/Lần	3.000.000	
7	Chi phí PTDV thoát vị rốn và khe hở thành bụng	Đồng/Lần	3.000.000	
8	Chi phí PTDV thoát vị thành bụng	Đồng/Lần	3.000.000	
9	Chi phí PTDV thoát vị bẹn có mảnh ghép	Đồng/Lần	3.500.000	
10	Chi phí PTDV cắt trĩ	Đồng/Lần	4.000.000	
11	Chi phí PTDV cắt túi mật nội soi	Đồng/Lần	4.000.000	
12	Chi phí PTDV thoát vị bẹn nội soi (1 bên) (Chưa bao gồm mảnh ghép)	Đồng/Lần	4.000.000	
13	Chi phí PTDV thoát vị bẹn nội soi (2 bên) (Chưa bao gồm mảnh ghép)	Đồng/Lần	5.000.000	
14	Chi phí PTDV vá sọ tự thân	Đồng/Lần	5.000.000	
15	Chi phí PTDV cắt ruột thừa nội soi	Đồng/Lần	3.000.000	
16	Chi phí PTDV Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10 cm	Đồng/Lần	1.500.000	
17	Chi phí PTDV cắt u lành phần mềm đường kính trên 10 cm	Đồng/Lần	2.000.000	
18	Chi phí PTDV khâu thủng dạ dày nội soi	Đồng/Lần	3.000.000	
C	KHOA NGOẠI THẬN - TIẾT NIỆU			
1	Chi phí PTDV Thủ thuật nội soi bàng quang chẩn đoán (không sinh thiết)	Đồng/Lần	500.000	
2	Chi phí PTDV Nội soi bàng quang	Đồng/Lần	1.000.000	
3	Chi phí PTDV Phẫu thuật nội soi rút thông JJ	Đồng/Lần	1.000.000	
4	Chi phí PTDV Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	Đồng/Lần	1.000.000	
5	Chi phí PTDV phẫu thuật mở rộng miệng sáo trong hẹp miệng sáo hoặc lấy sỏi kẹt	Đồng/Lần	1.600.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
6	Chi phí PTDV Cắt nang thừng tinh một bên	Đồng/Lần	2.000.000	
7	Chi phí PTDV phẫu thuật cắt bỏ da quy đầu do dính hoặc dài	Đồng/Lần	2.000.000	
8	Chi phí PTDV phẫu thuật đặt hoặc thay ống JJ niệu quản	Đồng/Lần	2.000.000	
9	Chi phí PTDV phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn xuống bìu	Đồng/Lần	2.000.000	
10	Chi phí PTDV phẫu thuật thắt tinh mạch thừng tinh trên bụng	Đồng/Lần	2.000.000	
11	Chi phí PTDV phẫu thuật thoát vị bẹn, tràn dịch tinh mạc TE	Đồng/Lần	2.000.000	
12	Tràn dịch tinh mạc <06 tuổi	Đồng/Lần	2.500.000	
13	Chi phí PTDV phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo	Đồng/Lần	3.000.000	
14	Chi phí PTDV phẫu thuật tán sỏi kẹt niệu đạo bằng laser	Đồng/Lần	3.000.000	
15	Chi phí PTDV tán sỏi bàng quang bằng laser	Đồng/Lần	3.500.000	
16	Chi phí PTDV Mổ lấy sỏi bàng quang	Đồng/Lần	4.000.000	
17	Chi phí PTDV Phẫu thuật nội soi cắt chóm nang thận sau phúc mạc	Đồng/Lần	4.000.000	
18	Chi phí PTDV tán sỏi niệu quản ngược dòng bằng laser	Đồng/Lần	4.000.000	
19	Chi phí PTDV Phẫu thuật mổ hở lấy sỏi niệu quản	Đồng/Lần	4.500.000	
20	Phẫu thuật cắt da quy đầu bằng máy bấm	Đồng/Lần	4.900.000	
21	Chi phí PTDV nội soi hông lưng lấy sỏi niệu quản	Đồng/Lần	5.000.000	
22	Chi phí PTDV phẫu thuật cắt đốt nội soi bướu lành tiền liệt tuyến qua niệu đạo	Đồng/Lần	5.000.000	
23	Chi phí PTDV phẫu thuật mổ hở lấy sỏi thận	Đồng/Lần	5.000.000	
24	Tán sỏi ngoài cơ thể	Đồng/Lần	1.500.000	
D	KHOA NGOẠI CTCH - BỔNG			
1	Chi phí PTDV KHX đòn	Đồng/Lần	5.000.000	
2	Chi phí PTDV KHX cánh tay	Đồng/Lần	7.000.000	
3	Chi phí PTDV KHX cẳng tay	Đồng/Lần	7.000.000	
4	Chi phí PTDV KHX bàn ngón tay	Đồng/Lần	5.000.000	
5	Chi phí PTDV KHX đùi	Đồng/Lần	10.000.000	
6	Chi phí PTDV KHX bánh chè	Đồng/Lần	5.000.000	
7	Chi phí PTDV KHX cẳng chân	Đồng/Lần	8.000.000	
8	Chi phí PTDV KHX bàn ngón chân	Đồng/Lần	5.000.000	
9	Chi phí PTDV tháo dụng cụ vai + chi trên	Đồng/Lần	3.000.000	
10	Chi phí PTDV tháo dụng cụ chi dưới	Đồng/Lần	4.000.000	
11	Chi phí PTDV hội chứng ống cổ tay	Đồng/Lần	2.000.000	
12	Chi phí PTDV ngón tay cò súng	Đồng/Lần	1.200.000	
13	Chi phí PTDV dequarvain	Đồng/Lần	1.200.000	
14	Chi phí PTDV nối gân vết thương cũ	Đồng/Lần	5.000.000	
15	Chi phí PTDV bóc bướu	Đồng/Lần	2.000.000	
16	Chi phí PTDV phẫu thuật ghép da mỏng	Đồng/Lần	3.000.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
17	Chi phí PTDV TT rút đinh nhỏ	Đồng/Lần	1.000.000	
18	Chi phí PTDV PT Nội soi tái tạo dây chằng	Đồng/Lần	7.000.000	
19	Chi phí PTDV PT Nội soi cắt lọc sụn khớp gối	Đồng/Lần	5.000.000	
20	Chi phí PTDV PT Thay khớp háng bán phần	Đồng/Lần	10.000.000	
21	Chi phí PTDV PT Thay khớp háng toàn phần	Đồng/Lần	10.000.000	
22	Chi phí PTDV PT Thay khớp gối bán phần	Đồng/Lần	10.000.000	
23	Chi phí PTDV PT Thay khớp gối toàn phần	Đồng/Lần	10.000.000	
24	Chi phí PTDV PT Thay khớp vai	Đồng/Lần	10.000.000	
E	KHOA LIÊN CHUYÊN KHOA			
1	Chi phí PTDV Cắt Amidan	Đồng/Lần	3.000.000	
2	Chi phí PTDV Cắt mộng thịt có ghép kết mạc	Đồng/Lần	2.500.000	
3	Chi phí PTDV Cắt nang xương hàm	Đồng/Lần	4.000.000	
4	Chi phí PTDV Cắt quặm 1 mí	Đồng/Lần	2.000.000	
5	Chi phí PTDV Cắt quặm 2 mí	Đồng/Lần	2.500.000	
6	Chi phí PTDV Cắt thẳng lưỡi, thẳng môi	Đồng/Lần	2.000.000	
7	Chi phí PTDV Cắt u kết mạc	Đồng/Lần	2.000.000	
8	Chi phí PTDV Cắt u mí	Đồng/Lần	2.000.000	
9	Chi phí PTDV Chính hình vách ngăn	Đồng/Lần	3.000.000	
10	Chi phí PTDV Chính hình xương gò má - cung tiếp	Đồng/Lần	4.000.000	
11	Chi phí PTDV Kết hợp xương hàm trên	Đồng/Lần	5.000.000	
12	Chi phí PTDV Kết hợp xương nẹp vít hàm dưới 1 đường gãy	Đồng/Lần	5.000.000	
13	Chi phí PTDV Kết hợp xương nẹp vít hàm dưới 2 đường gãy	Đồng/Lần	6.000.000	
14	Chi phí PTDV Khâu lỗ tai thẩm mỹ	Đồng/Lần	1.000.000	
15	Chi phí PTDV Mô xoang nội soi	Đồng/Lần	5.000.000	
16	Chi phí PTDV Nâng xương chính mũi	Đồng/Lần	3.000.000	
17	Chi phí PTDV PT điều trị gãy xương gò má- cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	Đồng/Lần	8.000.000	
18	Chi phí PTDV Rút ngắn cơ nâng mí	Đồng/Lần	2.500.000	
19	Chi phí PTDV cắt u vùng mặt	Đồng/Lần	1.200.000	
20	Chi phí PTDV Tháo nẹp vít	Đồng/Lần	3.000.000	
IV.2	Dịch vụ phẫu thuật, thủ thuật thực hiện trong ngày			
A	KHOA SẢN			
1	Đặt vòng pesary nâng cổ tử cung dự phòng sảy thai to, sinh non	Đồng/Lần	2.200.000	
2	Đặt vòng pesary nâng âm đạo, điều trị sa sinh dục	Đồng/Lần	1.800.000	
3	Que cấy ngừa thai	Đồng/Lần	2.500.000	
4	Khâu tầng sinh môn	Đồng/Lần	2.500.000	
5	Khâu tầng sinh môn ngoài kỳ sinh	Đồng/Lần	3.500.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
6	Dịch vụ da kề da sau mổ	Đồng/Lần	320.000	
7	Đơn vị giảm đau sau mổ	Đồng/Lần	1.500.000	
8	Dịch vụ đẻ không đau	Đồng/Lần	2.000.000	
9	Dịch vụ xô lỗ tai trẻ sơ sinh	Đồng/Lần	100.000	
10	Tắm và Massage cho trẻ sơ sinh	Đồng/Lần	50.000	
11	Hút sữa, thông tắc tuyến sữa	Đồng/Lần	100.000	
12	Gội đầu cho sản phụ sau sanh	Đồng/Lần	40.000	
13	Dịch vụ xông phục hồi sản chậu	Đồng/Lần	70.000	
B	KHOA NGOẠI TỔNG HỢP			
1	Chi phí PTDV TT rạch áp xe	Đồng/Lần	500.000	
2	Chi phí rạch trĩ tắc mạch	Đồng/Lần	500.000	
3	Chi phí thay ống thông, ống dẫn lưu các loại	Đồng/Lần	500.000	
4	Chi phí PTDV cắt u lành phần mềm	Đồng/Lần	1.500.000	
C	KHOA NGOẠI THẬN - TIẾT NIỆU			
1	Thủ thuật rạch áp xe, cắt bướu nhô, chai	Đồng/Lần	300.000	
2	Chi phí PTDV Thủ thuật nong bao quy đầu TE	Đồng/Lần	500.000	
3	Rút sonde niệu quản	Đồng/Lần	1.000.000	
D	KHOA NGOẠI CTCH - BÔNG			
1	Chi phí PTDV Hội chứng ống cổ tay	Đồng/Lần	1.500.000	
2	Chi phí PTDV Hội chứng Dequevain	Đồng/Lần	1.500.000	
3	Chi phí PTDV Ngón tay lò xo	Đồng/Lần	1.500.000	
4	Chi phí PTDV Bướu tử chi đơn giản	Đồng/Lần	1.500.000	
5	Chi phí PTDV Rút đinh K đơn giản	Đồng/Lần	1.500.000	
6	Chi phí PTDV Móng chọc thịt	Đồng/Lần	1.500.000	
7	Chi phí PTDV Khâu nối gân đơn giản	Đồng/Lần	1.500.000	
8	Thay bột	Đồng/Lần	200.000	
9	Tháo Bột	Đồng/Lần	80.000	
10	Thay băng	Đồng/Lần	80.000	
11	Thủ thuật rút đinh đơn giản	Đồng/Lần	200.000	
12	Tiêm SAT	Đồng/Lần	50.000	Chưa bao gồm tiền thuốc, vật tư y tế
13	Tiêm khớp	Đồng/Lần	200.000	Chưa bao gồm tiền thuốc, vật tư y tế
E	KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG - VẬT LÝ TRỊ LIỆU			
1	Kỹ thuật thông mũi ngược dòng ở trẻ em	Đồng/Lần	100.000	
2	Tập vận động có trợ giúp	Đồng/Lần	100.000	
3	Tập luyện với ghế tập mạnh cơ tứ đầu	Đồng/Lần	20.000	
4	Tập với hệ thống ròng rọc	Đồng/Lần	20.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
5	Tập với xe đạp tập	Đồng/Lần	20.000	
6	Tập thăng bằng với bàn bập bênh	Đồng/Lần	30.000	
7	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Đồng/Lần	40.000	
8	Xoa bóp bằng máy	Đồng/Lần	40.000	
9	Tập ho có trợ giúp	Đồng/Lần	40.000	
10	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	Đồng/Lần	50.000	
11	Tập lên, xuống cầu thang	Đồng/Lần	50.000	
12	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động	Đồng/Lần	50.000	
13	Điều trị bằng siêu âm	Đồng/Lần	60.000	
14	Điều trị bằng các dòng điện xung	Đồng/Lần	70.000	
15	Điều trị bằng sóng xung kích	Đồng/Lần	70.000	
16	Bỏ farafin	Đồng/Lần	70.000	
17	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	Đồng/Lần	80.000	
18	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	Đồng/Lần	80.000	
19	Tập do liệt ngoại biên	Đồng/Lần	80.000	
20	Tập do cứng khớp	Đồng/Lần	100.000	
21	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	Đồng/Lần	100.000	
22	Kỹ thuật xoa bóp vùng (bằng tay Kỹ thuật viên)	Đồng/Lần	100.000	
23	Tập vận động có kháng trở	Đồng/Lần	100.000	
24	Tập vận động thụ động	Đồng/Lần	100.000	
25	Tập do liệt thần kinh trung ương	Đồng/Lần	100.000	
26	Điều trị bằng laser nội mạch công suất thấp (Đã bao gồm kim)	Đồng/Lần	120.000	
F	Khoa Nội tổng hợp			
1	Đo chức năng hô hấp theo yêu cầu	Đồng/Lần	130.000	
V	Dịch vụ phẫu thuật chuyên gia			
1	Phẫu thuật cột sống chuyên gia (T2&T6)	Đồng/Lần	13.000.000	Chưa bao gồm: giá phẫu thuật, thủ thuật theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế và Thông tư số 14/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế; giá phẫu thuật, thủ thuật theo từng chuyên khoa tại mục V của phụ lục này; chi phí đi lại, lưu trú của chuyên gia (theo giá thực tế)
2	Phẫu thuật cột sống chuyên gia (T3,T4,T5)	Đồng/Lần	20.000.000	
3	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/Lần	10.000.000	
4	Phẫu thuật loại 1	Đồng/Lần	8.000.000	
5	Phẫu thuật loại 2	Đồng/Lần	7.000.000	
6	Phẫu thuật loại 3	Đồng/Lần	5.000.000	
7	Thủ thuật loại đặc biệt	Đồng/Lần	4.000.000	
8	Thủ thuật loại 1	Đồng/Lần	3.000.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
VI	Giải phẫu bệnh gửi mẫu			
1	Giải phẫu bệnh 1 mẫu nội soi sinh thiết cùng cơ quan dạ dày, đại tràng, trực tràng, phế quản	Đồng/Lần	450.000	
2	Giải phẫu bệnh 1 mẫu sinh thiết nạo cổ tử cung, kênh tử cung, lòng tử cung	Đồng/Lần	450.000	
3	Giải phẫu bệnh mẫu thứ 2 trở đi	Đồng/Lần	60.000	
4	Giải phẫu bệnh mô cắt tai vôi, buồng trứng, thai ngoài tử cung, u xơ u nang, ruột thừa, túi mật(d<5cm)	Đồng/Lần	450.000	
5	Giải phẫu bệnh mô cắt, tử cung toàn phần hoặc bán phần, khoét chóp cổ tử cung, tai vôi, buồng trứng, thai ngoài tử cung, u xơ u nang	Đồng/Lần	850.000	
6	Mẫu bệnh phẩm dịch khoang cơ thể: màng phổi, màng tim, màng bụng, dịch rửa phế quản d= trên 1ml	Đồng/Lần	450.000	
7	Mẫu bệnh phẩm tế bào FNA	Đồng/Lần	450.000	
8	Mẫu mô lớn cắt (Vú, thực quản, dạ dày, đại tràng, trực tràng, ruột non, gan, thận, tuyến giáp, bàng quang...)	Đồng/Lần	850.000	
9	Mẫu mô tiêu phẫu (u vú, hạch, tuyến dưới hàm, tuyến nước bọt, tuyến mang tai, sinh thiết da, cắt nốt ruồi...)	Đồng/Lần	450.000	
10	Mẫu xét nghiệm HPV	Đồng/Lần	680.000	
11	Mẫu xét nghiệm TB tử cung theo PP nhuộm dịch (Liqui prep, pathtest, Cellprep nhuộm Papanicolaou)	Đồng/Lần	500.000	
12	Mẫu xét nghiệm TB tử cung theo PP nhuộm dịch (Liqui prep, pathtest, Cellprep nhuộm Papanicolaou) + Xét nghiệm HPV	Đồng/Lần	970.000	
13	Mẫu xét nghiệm tế bào cổ tử cung (Papsmear) làm phết sẵn	Đồng/Lần	220.000	
14	Nhuộm HMMD (1 Marker)	Đồng/Lần	920.000	
VII	Xét nghiệm sàng lọc			
1	Xét nghiệm NIPT 9.5	Đồng/Lần	4.500.000	
2	Xét nghiệm TriSure	Đồng/Lần	6.000.000	
3	Xét nghiệm TriSure First (khảo sát 03 bất thường phổ biến)	Đồng/Lần	2.300.000	
4	Sàng lọc trước sinh double test	Đồng/Lần	450.000	
VIII	Dịch vụ chuyển bệnh theo yêu cầu			Nếu có nhiều bệnh nhân có yêu cầu cũng vận chuyển 01 chuyển thì mỗi bệnh nhân phải chịu một phần chi phí
VIII.1	Chuyển bệnh theo yêu cầu			
1	Chuyển bệnh dịch vụ về phường Suối Tre, phường Xuân Trung, phường Xuân Thanh, phường Xuân An, phường Xuân Bình, phường Xuân Hòa (không điều dưỡng)	Đồng/Chuyển	350.000	Có điều dưỡng: 450.000đ Thêm bác sĩ: 300.000đ Tủ vong: 500.000đ

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
2	Chuyển bệnh dịch vụ về phường Phú Bình, phường Bảo Vinh, xã Bình Lộc, phường Xuân Tân, xã Bàu Trâm, xã Bàu Sen, phường Xuân Lập (không điều dưỡng)	Đồng/Chuyển	490.000	Có điều dưỡng: 610.000đ Thêm bác sĩ: 300.000đ Tử vong: 660.000đ
3	Chuyển bệnh dịch vụ về xã Hàng Gòn, xã Bảo Quang (không điều dưỡng)	Đồng/Chuyển	630.000	Có điều dưỡng: 770.000đ Thêm bác sĩ: 300.000đ Tử vong: 820.000đ
4	Chuyển bệnh dịch vụ về tt Dầu Giây, xã Quang Trung huyện Thống Nhất, xã Quảng Tiến huyện Thống Nhất, xã Trung Hòa huyện Thống Nhất (không điều dưỡng)	Đồng/Chuyển	700.000	Có điều dưỡng: 850.000đ Thêm bác sĩ: 300.000đ Tử vong: 950.000đ
5	Chuyển bệnh dịch vụ về xã Bảo Hòa huyện Xuân Lộc, xã Xuân Thọ huyện Xuân Lộc, xã Xuân Phú huyện Xuân Lộc, xã Xuân Định huyện Xuân Lộc, xã Xuân Bắc huyện Xuân Lộc, xã Suối Cát huyện Xuân Lộc, xã Nhân Nghĩa huyện Cẩm Mỹ, xã Long Giao huyện Cẩm Mỹ (không điều dưỡng)	Đồng/Chuyển	910.000	Có điều dưỡng: 1.090.00đ Thêm bác sĩ: 300.000đ Tử vong: 1.190.000đ
6	Chuyển bệnh dịch vụ về Xã Bàu Hàm Huyện Trảng Bom, Xã Đông Hòa Huyện Trảng Bom, Xã Hưng Thịnh Huyện Trảng Bom, Xã Sông Thao Huyện Trảng Bom, Xã Tây Hòa Huyện Trảng Bom, Xã Trung Hòa Huyện Trảng Bom, xã Phú Cường huyện Định Quán, xã Suối Nho huyện Định Quán, xã Phú Túc huyện Định Quán, xã Túc Trưng huyện Định Quán, xã Hưng Lộc huyện Thống Nhất, xã Giang Điền huyện Thống Nhất, xã Đông Hòa huyện Thống Nhất, xã Bình Minh huyện Thống Nhất, xã Bàu Hàm huyện Thống Nhất, xã Gia Tân huyện Thống Nhất, xã Gia Kiệm huyện Thống Nhất, xã An Viễn huyện Thống Nhất, xã Hưng Thịnh huyện Thống Nhất, xã Trảng Bom huyện Thống Nhất, xã Xuân Thiện huyện Thống Nhất, xã Tây Hòa huyện Thống Nhất, xã Sông Trầu huyện Thống Nhất, xã Sông Thao huyện Thống Nhất (không điều dưỡng)	Đồng/Chuyển	1.110.000	Có điều dưỡng: 1.310.00đ Thêm bác sĩ: 300.000đ Tử vong: 1.410.000đ
7	Chuyển bệnh dịch vụ về tt. Gia Ray, xã Xuân Tâm huyện Xuân Lộc, xã Xuân Trường huyện Xuân Lộc, xã Xuân Hiệp huyện Xuân Lộc, xã Suối Cao huyện Xuân Lộc, xã Lang Minh huyện Xuân Lộc, xã Bảo Bình huyện Cẩm Mỹ, xã Xuân Quế huyện Cẩm Mỹ, xã Xuân Mỹ huyện Cẩm Mỹ, xã Xuân Bảo huyện Cẩm Mỹ, xã Thừa Đức huyện Cẩm Mỹ, xã Sông Nhạn huyện Cẩm Mỹ (không điều dưỡng)	Đồng/Chuyển	1.200.000	Có điều dưỡng: 1.400.00đ Thêm bác sĩ: 300.000đ Tử vong: 1.500.000đ
8	Chuyển bệnh dịch vụ về TT Trảng Bom Huyện Trảng Bom, Xã Bình Minh Huyện Trảng Bom, Xã Đồi 61 Huyện Trảng Bom, Xã Sông Trầu Huyện Trảng Bom, Xã Bắc Sơn Huyện Trảng Bom, Xã Cây Gáo Huyện Trảng Bom, Xã Giang Điền Huyện Trảng Bom, Xã Quảng Tiến Huyện Trảng Bom, Xã Thanh Bình Huyện Trảng Bom, xã Bắc Sơn huyện Thống Nhất, xã Thanh Bình huyện Thống Nhất, xã Lộ 25 huyện Thống Nhất, xã Hố Nai huyện Thống Nhất, xã Đồi 61 huyện Thống Nhất, xã Cây Gáo huyện Thống Nhất, xã Lộ 25 huyện Thống Nhất (không điều dưỡng)	Đồng/Chuyển	1.260.000	Có điều dưỡng: 1.460.00đ Thêm bác sĩ: 300.000đ Tử vong: 1.560.000đ
9	Chuyển bệnh dịch vụ về Xã Bình An Huyện Long Thành, Xã Bình Sơn Huyện Long Thành, Xã Cẩm Đường Huyện Long Thành, Xã Long An Huyện Long Thành, xã La Ngà huyện Định Quán, xã Phú Ngọc huyện Định Quán	Đồng/Chuyển	1.400.000	Có điều dưỡng: 1.600.00đ Thêm bác sĩ: 300.000đ Tử vong: 1.700.000đ

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
10	Chuyển bệnh dịch vụ về xã Lâm San huyện Cẩm Mỹ, xã Xuân Tây huyện Cẩm Mỹ, xã Xuân Đường huyện Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông huyện Cẩm Mỹ, xã Sông Ray huyện Cẩm Mỹ, Biên Hòa	Đồng/Chuyển	1.480.000	Có điều dưỡng: 1.700.000đ Thêm bác sĩ: 300.000đ Tử vong: 1.800.000đ
11	Chuyển bệnh dịch vụ về TT Long Thành Huyện Long Thành, Xã An Phước Huyện Long Thành, Xã Lộc An Huyện Long Thành, Xã Long Đức Huyện Long Thành, Xã Phước Tân Huyện Long Thành, Xã Suối Trầu Huyện Long Thành, Xã Tam Phước Huyện Long Thành, Xã Long Phước Huyện Long Thành, Xã Tam An Huyện Long Thành, TT Vĩnh An Huyện Vĩnh Cửu, Xã Vĩnh Tân Huyện Vĩnh Cửu, Xã Tân An Huyện Vĩnh Cửu, Xã Thiện Tân Huyện Vĩnh Cửu, Xã Trị An Huyện Vĩnh Cửu, xã Xuân Hòa huyện Xuân Lộc, xã Xuân Thành huyện Xuân Lộc, xã Xuân Hưng huyện Xuân Lộc (không điều dưỡng)	Đồng/Chuyển	1.600.000	Có điều dưỡng: 1.820.00đ Thêm bác sĩ: 300.000đ Tử vong: 1.920.000đ
12	Chuyển bệnh dịch vụ về Xã Hiệp Phước Huyện Nhơn Trạch, Xã Phước Thiển Huyện Nhơn Trạch, Xã Long Tân Huyện Nhơn Trạch, Xã Phú Hội Huyện Nhơn Trạch, xã Ngọc Định huyện Định Quán, xã Phú Hòa huyện Định Quán, xã Phú Vinh huyện Định Quán, xã Phú Tân huyện Định Quán, xã Phú Lợi huyện Định Quán (không điều dưỡng)	Đồng/Chuyển	1.730.000	Có điều dưỡng: 1.950.000đ Thêm bác sĩ: 300.000đ Tử vong: 2.050.000đ
13	Chuyển bệnh dịch vụ về Xã An Hòa Huyện Long Thành, Xã Bầu Cạn Huyện Long Thành, Xã Long Hưng Huyện Long Thành, Xã Phước Bình Huyện Long Thành, Xã Tân Hiệp Huyện Long Thành, Xã Phước Thái Huyện Long Thành, Xã Long Thọ Huyện Nhơn Trạch, Xã Phú Thạnh Huyện Nhơn Trạch, Xã Phú Đông Huyện Nhơn Trạch, Xã Phước An Huyện Nhơn Trạch, Xã Vĩnh Thanh Huyện Nhơn Trạch, Xã Đại Phước Huyện Nhơn Trạch, Xã Phú Hữu Huyện Nhơn Trạch, Xã Phước Khánh Huyện Nhơn Trạch, Xã Bình Hòa Huyện Vĩnh Cửu, Xã Tân Bình Huyện Vĩnh Cửu, Xã Thạnh Phú Huyện Vĩnh Cửu, Xã Bình Lợi Huyện Vĩnh Cửu, Xã Mã Đà Huyện Vĩnh Cửu, TT Tân Phú Huyện Tân Phú, Xã Phú Điền Huyện Tân Phú, Xã Phú Lộc Huyện Tân Phú, Xã Tân Thạnh Huyện Tân Phú, Xã Trà Cỏ Huyện Tân Phú, Xã Phú Lâm Huyện Tân Phú, Xã Phú Thạnh Huyện Tân Phú, Xã Phú Thịnh Huyện Tân Phú, Xã Phú Xuân Huyện Tân Phú, xã Thanh Sơn huyện Định Quán (không điều dưỡng)	Đồng/Chuyển	2.090.000	Có điều dưỡng: 2.310.000đ Thêm bác sĩ: 300.000đ Tử vong: 2.410.000đ
14	Chuyển bệnh dịch vụ về Xã Hiếu Liêm Huyện Vĩnh Cửu, Xã Phú Lý Huyện Vĩnh Cửu, Xã Dak Lua Huyện Tân Phú, Xã Núi Tượng Huyện Tân Phú, Xã Phú Bình Huyện Tân Phú, Xã Phú Lập Huyện Tân Phú, Xã Phú Sơn Huyện Tân Phú, Xã Phú Trung Huyện Tân Phú, Xã Thanh Sơn Huyện Tân Phú, Xã Phú An Huyện Tân Phú, Xã Tà Lài Huyện Tân Phú, Xã Nam Cát Tiên Huyện Tân Phú, tp. Hồ Chí Minh (không điều dưỡng)	Đồng/Chuyển	2.370.000	Có điều dưỡng: 2.620.000đ Thêm bác sĩ: 300.000đ Tử vong: 2.720.000đ
IX	Dịch vụ y tế và ngoài y tế khác theo yêu cầu của người bệnh			
1	Sổ khám bệnh	Đồng/Lần	5.000	
2	Ghế Massage	Đồng/Lần	10.000	
3	Dịch vụ giặt đồ			
	+ Vớ gối, vớ chân	Cái	3.000	
	+ Quần sọc; Bộ quần áo lót	Cái	4.000	
	+ Bộ đồ trẻ em	Cái	5.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ DV THEO YÊU CẦU	GHI CHÚ
	+ Áo sơ mi ngắn tay; khăn tắm to	Cái	6.000	
	+ Áo sơ mi dài tay; Quần Jeans; Quần tây	Cái	8.000	
	+ Áo sơ mi vải Jeans; Áo khoác	Cái	10.000	
	+ Đồ bộ người lớn	Cái	15.000	
	+ Bộ đồ Blouse	Cái	20.000	
	+ Mền	Cái	40.000	
	+ Giặt ủi	Cái	20.000	
4	Nước uống đóng chai 1,5L	Đồng/Lần	8.000	
5	Nước uống đóng chai 500ml	Đồng/Lần	4.000	
6	Nước uống đóng chai 5L	Đồng/Lần	20.000	
7	Dịch vụ Tắm Khô	Đồng/Lần	50.000	
8	Tắm bé và masaage bé	Đồng/Lần	50.000	
9	Thẻ đeo tên bệnh nhân có dây đeo	Đồng/Lần	5.000	
10	Thẻ thăm bệnh có dây đeo	Đồng/Lần	5.000	
11	Dịch vụ gội đầu	Đồng/Lần	40.000	
12	Dịch vụ tắm trước phẫu thuật	Đồng/Suất	25.000	
13	Cấp lại các loại giấy tờ	Đồng/Lần	20.000	
14	Dịch vụ chăm sóc chuyên sâu	Đồng/Lần	1.000.000	
15	Cấp lại hồ sơ bệnh án; giấy chứng thương; y chứng (chứng nhận nằm viện, tình trạng bệnh tật)	Đồng/Lần	120.000	